

Bản án số: **153/2021/HS-ST**

Ngày: 29/11/2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thắng;

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Tiến Lợi

Bà Nguyễn Thị Liên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Minh Vương, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 157/2021/TLST-HS ngày 09/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2021/QĐXXST-HS ngày 16/11/2021 đối với bị cáo:

**Đặng Đình C**, sinh năm 1987; ĐKKHKT và nơi cư trú: thôn LX, xã LĐ, huyện C, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Viết C1, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1956; Vợ: Bùi Thị A, sinh năm 1980 và có 03 con ( lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2009). Danh chỉ bản số 366 lập ngày 23/8/2021 tại Công an thành phố Hà Nội.

Tiền án, tiền sự: Không

Tạm giữ, tạm giam: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/8/2015, Đặng Đình C đã dùng thông tin cá nhân của Đặng Văn T (SN 1982, em trai C) và Bùi Thị A (SN 1980, vợ C), đều cùng địa chỉ với C để T lập Công ty CP đầu tư và thương mại Ngọc K (Công ty Ngọc K); Địa chỉ trụ sở chính: Thôn LX, xã LD, huyện C, Hà Nội; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần; Mã số doanh nghiệp: 0106941938; Giám đốc, đại diện theo pháp luật là Đặng Đình C.

Sau khi T lập Công ty Ngọc K, C đã thuê chị Nguyễn Thị H (SN 1984) trú tại thôn UH, xã LD, huyện C làm Kế toán trưởng của Công ty. Hàng tháng, C trả tiền công cho chị H là 3.500.000 đồng/tháng, đến hết tháng 6/2017 thì chị H nghỉ việc, C tiếp tục thuê kế toán công ty làm theo thời vụ (khi thuê chỉ thỏa thuận miệng, không ký văn bản). Trong quá trình hoạt động của Công ty, đến đầu năm 2017, C nảy sinh ý định mua hóa đơn GTGT của các Công ty “ma” do các đối tượng T lập không hoạt động sản xuất, kinh doanh mà chỉ mua bán trái phép hóa đơn GTGT, để C khấu trừ thuế giá trị gia tăng và giảm tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2017.

*Đặng Đình C khai nhận:* Thông qua quan hệ xã hội C có quen nam thanh niên có tên là “H1” không rõ lai lịch (sau xác định là Nguyễn Văn H1, SN: 19x5; HKTT: Tổ dân phố HP, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Thái Bình, là Giám đốc Công ty CP đầu tư CKV AV; Địa chỉ trụ sở: Xóm M, thôn BT, xã HD, huyện C, Hà Nội, hiện đang tạm dừng hoạt động. H1 có sử dụng số điện thoại di động: 0975.779.866) làm kế toán Thuế của Công ty Ngọc K. Hàng tháng, C trả tiền công cho H1 là 2.000.000đ/tháng, H1 làm đến đầu năm 2019 thì nghỉ (khi thuê chỉ thỏa thuận miệng, không ký văn bản). Sau đó, thông qua Nguyễn Văn H1 và theo sự hướng dẫn của H1, C đã đồng ý và đưa tiền trực tiếp cho H1 (*các lần C và “H1” giao, nhận tiền để mua hóa đơn GTGT bất hợp pháp đều không thiết lập văn bản, không có người làm chứng, không có địa điểm, thời gian rõ ràng*), để H1 đi mua 18 hóa đơn GTGT bất hợp pháp của 03 Công ty “ma”, gồm: Công ty TNHH ATBG (MST:2400800773); Công ty TNHH xây dựng và thương mại C2 (MST: 2400803365), Công ty TNHH MTV NB (MST: 2400803372), với tổng giá trị hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là **2.082.676.501đ**, tiền thuế giá trị gia tăng là: **208.267.650đ**, được hợp thức bằng các

Hợp đồng nguyên tắc; Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc kèm theo được ký kết giữa Công ty TNHH ATBG, Công ty TNHH xây dựng và thương mại C2, Công ty TNHH MTV NB với Công ty Ngọc K do C ký đại diện Công ty, nhưng không có các hoạt động giao dịch, kinh doanh. Cụ thể:

1. Từ ngày 22/01/2017 đến ngày 28/11/2017, C mua của Công ty TNHH ATBG **08** (tám) hóa đơn GTGT (gồm các số: 0000016, 0000023, 0000073, 0000093, 0000106, 0000152, 0000232, 0000272), với tổng giá trị hàng hóa dịch vụ là: 1.027.376.851đ, tiền thuế GTGT là: 102.737.685đ.

2. Ngày 10/4/2017, C mua của Công ty TNHH xây dựng và thương mại C2 **01**(một) hóa đơn GTGT số 0000062 , với tổng giá trị hàng hóa dịch vụ là: 29.545.450đ, tiền thuế GTGT là: 2.954.545đ.

3. Từ ngày 15/01/2017 đến ngày 17/01/2018, C mua của Công ty TNHH MTV NB **09** (chín) hóa đơn GTGT (gồm các số: 0000008, 0000042, 0000075, 0000120, 0000121, 0000125, 0000202, 0000264, 0000317), với tổng giá trị hàng hóa dịch vụ là: 1.025.754.200đ, tiền thuế GTGT là: 102.737.685đ.

Sau khi có các Hợp đồng nguyên tắc, Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc và 18 hóa đơn GTGT có giá trị hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là **2.082.676.501đ**, tiền thuế GTGT là: **208.267.650đ**, C làm hồ sơ kê khai thuế khấu trừ thuế GTGT và làm tăng chi phí của doanh nghiệp năm 2017 cho Công ty Ngọc K tại Chi cục Thuế huyện C, Hà Nội nhằm mục đích trốn số tiền thuế GTGT phải nộp.

Ngày 27/8/2020, Cơ quan CSĐT - Công an TP Hà Nội đã ra Quyết định trưng cầu Cục thuế TP Hà Nội giám định loại thuế và số tiền trốn thuế của Công ty Ngọc K. Ngày 29/4/2021, Cục thuế TP Hà Nội kết luận giám định loại thuế và số tiền trốn thuế của Công ty Ngọc K, xác định: *Từ tháng 01/2017 đến tháng 01/2018, Công ty Ngọc K đã thực hiện hành vi sử dụng 18 số hóa đơn GTGT (liên 2) khống của 3 công ty “ma” gồm: Công ty NB, Công ty ATBG, Công ty C2 với tổng giá trị 2.082.676.501đ. thuế GTGT là 208.267.605đ. Hành vi của Công ty Ngọc K được xác định là hành vi trốn thuế, gian lận thuế theo quy định tại Điều 108 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Tổng số tiền thuế GTGT phải nộp là 189.517.938đ; Đối với thuế thu nhập Doanh nghiệp (TNDN): Giám định viên chưa đủ cơ sở để xác định hành vi trốn thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty Ngọc K*

*do chưa xác định được doanh thu và chi phí phát sinh từ hoạt động nêu trên hay không.*

Ngày 27/9/2021, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Chương Mỹ, Hà Nội có Văn bản đề nghị Chi cục Thuế khu vực Thanh Oai - Chương Mỹ cung cấp toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc hạch toán các chi phí để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Ngọc K vào năm 2017? Số tiền đã hạch toán vào chi phí qua 18 hóa đơn bất hợp pháp trên là bao nhiêu.

Ngày 01/10/2021 và 06/10/2021, Chi cục Thuế khu vực Thanh Oai - Chương Mỹ có văn bản số 6904 và 6987/CCT-KTr2, xác định: *Tính đến thời điểm hiện tại trên hệ thống quản lý Thuế (TMS) của ngành Thuế. Công ty Ngọc K đang hoạt động sản xuất kinh doanh. Từ năm 2015 đến nay đơn vị đã kê khai và nộp thuế GTGT, TNDN phát sinh theo quy định; Việc chấp hành kê khai, nộp thuế của Công ty Ngọc K từ năm 2015 đến ngày 06/10/2021, Cụ thể: Đối với số tiền thuế GTGT, TNDN, tiền phạt VPHC, tiền chậm nộp GTGT, TNDN (đến ngày 06/10/2021), số tiền đã nộp là: 749.498.352 đồng. Đơn vị đã kiểm tra quyết toán thuế hết năm 2019. Trong đó số tiền thuế xử phạt vi phạm hành chính về thuế sau kiểm tra, đã ra Quyết định xử phạt Vi phạm hành chính về thuế số 6019 ngày 07/08/2018 và số 8827 ngày 24/08/2020 (đơn vị đã nộp tiền vào ngày 15/8/2018 và ngày 03/10/2020). Đến nay, Công ty Ngọc K không còn nợ thuế và số tiền Thuế TNDN nộp thừa là: 137.295.180 đồng.*

*Theo qui định doanh nghiệp không phải nộp bảng kê chi tiết hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra khi nộp tờ khai thuế GTGT. Do vậy không tra cứu được chi tiết đối với 18 số hóa đơn tại tờ khai GTGT năm 2017 để xác định tại thời điểm công ty có kê khai hay không kê khai.*

*Đoàn kiểm tra thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, để xác định số liệu tăng (giảm) qua các kỳ kiểm tra (2015-2017). Tại thời điểm kiểm tra, đoàn căn cứ vào hồ sơ, hóa đơn chứng từ, sổ sách kế toán đơn vị xuất trình tại thời điểm kiểm tra và không thu giữ bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của Công ty Ngọc K. Do vậy không xác định được các chi phí của các hóa đơn của các công ty nêu trên, công ty Ngọc K đã hạch toán vào chi phí trong kỳ hay không.*

Đối với thuế TNDN của Công ty Ngọc K, Chi cục Thuế khu vực Thanh Oai - Chương Mỹ cung cấp: *“không tra cứu được chi tiết đối với 18 số hóa đơn tại tờ khai GTGT năm 2017 để xác định tại thời điểm công ty có kê khai hay không kê khai”.*

Mặt khác, Đặng Đình C cũng không cung cấp được cho Cơ quan điều tra các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc hạch toán các chi phí để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Ngọc K năm 2017, cũng như số tiền đã hạch toán vào chi phí qua 18 hóa đơn bất hợp pháp trên là bao nhiêu. Vì vậy, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Chương Mỹ không xác định được doanh thu và chi phí phát sinh từ hoạt động nêu trên, nên không có căn cứ để xem xét, đề nghị xử lý.

Đối với nguồn gốc 18 hóa đơn GTGT bất hợp pháp, mà Công ty Ngọc K mua, sử dụng của 03 công ty “ma” nêu trên, đã được Tòa án nhân dân T phố Hà Nội xét xử theo Bản án hình sự sơ thẩm số 341/2020/HSST ngày 05/9/2020. Vì vậy, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Chương Mỹ không đề cập xem xét, xử lý.

Đối với Công ty Ngọc K, do Đặng Đình C là người trực tiếp và tự quyết định thực hiện việc mua 18 hóa đơn GTGT để kê khai trốn thuế GTGT phải nộp, C không hợp bàn thống nhất với các Cổ đông Đặng Văn T và Bùi Thị A trong quá trình thực hiện. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Chương Mỹ không đề cập xử lý đối với pháp nhân là Công ty CP Đầu tư và thương mại Ngọc K và cá nhân Đặng Văn T, Bùi Thị A.

Đối với Nguyễn Thị H, được Đặng Đình C thuê làm Kế toán của Công ty Ngọc K từ năm 2015 đến hết tháng 6/2017, theo thỏa miệng (không có văn bản). Chị H được C giao nhiệm vụ giao dịch tại Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Hà Tây, địa chỉ: Số 19x QT - HD - Hà Nội, theo số tài khoản của Công ty Ngọc K là: 4501003522804 (H được đăng ký là Kế toán trưởng của Công ty Ngọc K tại Ngân hàng) và làm Hợp đồng, hồ sơ thanh toán, sau đó chuyển lại hồ sơ cho kế toán Thuế của Công ty Ngọc K. Quá trình làm việc tại Công ty Ngọc K, chị H đi nộp tiền, rút tiền tại Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Hà Tây là theo sự chỉ đạo của Giám đốc C, việc nộp hay rút tiền để phục vụ mục đích gì, cụ thể như thế nào thì H không rõ. Chị H không được Đặng Đình C bàn bạc, thống nhất mua 18 hóa đơn GTGT nêu trên để trốn thuế GTGT của Công ty Ngọc K năm 2017.

Đối với Nguyễn Văn H1: H1 chỉ thừa nhận là có quan hệ, quen biết xã hội với Đặng Đình C từ khoảng năm 2012, tại một quán ăn uống ở khu vực Bách hóa TX (quận TX, Hà Nội), sau biết C là Giám đốc Công ty Ngọc K. H1 khai, trong thời gian từ năm 2016 đến 2018, anh C có gọi điện thoại cho H1 nhờ làm giúp báo cáo Thuế cho Công ty Ngọc K, thông qua mối quan hệ khác H1 đã giới thiệu cho C một kế toán tên là “B” (do thời gian đã lâu, đến nay không rõ lai lịch và hiện B đang làm

gì ở đâu). Nguyễn Văn H1 khẳng định, từ trước đến nay H1 không tham gia, giúp sức gì cho Đặng Đình C trong việc trốn thuế hoặc các việc làm vi phạm pháp luật khác. H1 biết Nguyễn Thị H - Kế toán của Công ty Ngọc K thông qua Đặng Đình C, hai bên không có liên hệ trao đổi liên quan đến 18 hóa đơn GTGT bất hợp pháp trên.

Cơ quan CSĐT- Công an huyện Chương Mỹ đã tiến hành đối chất giữa bị can Đặng Đình C với Nguyễn Văn H1, giữa Đặng Đình C và Nguyễn Thị H và giữa Nguyễn Thị H với Nguyễn Văn H1. Kết quả: Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Thị H đều không thừa nhận tham gia vào việc quyết toán thuế cho Công ty Ngọc K vào năm 2017 cũng như không liên quan đến việc mua bán 18 hóa đơn GTGT bất hợp pháp. Ngoài lời khai từ Đặng Đình C thì không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc H và H1 có liên quan đến 18 hóa đơn GTGT. Vì vậy, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Chương Mỹ không có căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Thị H.

Tại bản cáo trạng số 152/CT-VKS-CM ngày 02/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ truy tố Đặng Đình C về tội “Trốn thuế” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Đình C khai nhận hành vi của mình, T thành khẩn nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quan điểm như cáo trạng truy tố và kết luận bị cáo Đặng Đình C đã phạm tội Trốn thuế quy định tại điểm d khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự. Sau khi đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét tình tiết giảm nhẹ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo mức án tù 03 tháng đến 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo hạn thử thách 12 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung, Buộc bị cáo C phải nộp số tiền trốn thuế là 189.517.938 đồng. Xác nhận bị cáo C đã nộp 25.000.000 đồng, bị cáo C còn phải nộp 164.517.938 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Chương Mỹ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ và của Điều tra viên, kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 01/2017 đến tháng 01/2018, Đặng Đình C - Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại Ngọc K đã thực hiện hành vi mua, sử dụng 18 hóa đơn GTGT bất hợp pháp của các Công ty TNHH ATBG, Công ty TNHH xây dựng và thương mại C2, Công ty TNHH MTV NB nhằm mục đích trốn tránh, giảm tiền Thuế phải nộp cho Nhà nước. Qua hoạt động hợp thức hóa đơn GTGT đầu vào Đặng Đình C đã trốn thuế, gian lận thuế số tiền thuế GTGT phải nộp là **189.517.938 đồng**.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trốn thuế”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ phù hợp pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý thuế của nhà nước làm giảm thu ngân sách nhà nước, xâm hại đến đường lối phát triển kinh tế xã hội, chính sách thuế; gây mất trật tự xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân. Do vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa C.

[4]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều T khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện nộp lại một phần số tiền trốn thuế để khắc phục hậu quả nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên cần chiếu cố khoan hồng, xử phạt hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo trở T công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo trong giai đoạn dịch bệnh, kinh doanh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về Biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Đặng Đình C nộp lại số tiền trốn thuế nhằm mục đích thu lời bất chính là 189.517.938 đồng. Xác nhận bị cáo C đã nộp số tiền 25.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2020/0057695 ngày 03/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ. Bị cáo C còn phải nộp 164.517.938 đồng sung vào Ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: - Điểm d Khoản 1 Điều 200; Điều 47; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

- Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên bố bị cáo Đặng Đình C phạm tội “Trốn thuế”.**

**Xử phạt: Đặng Đình C, 05(Năm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 12(Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.**

Giao Bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã LD, huyện C, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

***Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.***

***Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.***

**\* Biện pháp tư pháp:** Buộc Bị cáo Đặng Đình C phải nộp lại số tiền trốn thuế là 189.517.938 đồng. Xác nhận bị cáo C đã nộp số tiền 25.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2020/0057695 ngày 03/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ. Bị cáo C còn phải nộp 164.517.938 đồng sung vào Ngân sách nhà nước.

**\* Án phí:** Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Công an huyện Chương Mỹ;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Lưu HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thắng**